

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2019
V/v: Ly hôn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Thành
Bà Võ Thị Bời
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Lãm - Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐHPT-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- * *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Q T, sinh năm 1989
Trú tại: 40 PC, thôn VX, xã VT, thành phố Nha Trang
 - * *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M N, sinh năm 1995
Trú tại: 42 PC, thôn VX, xã VT, thành phố Nha Trang
- Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, ông Nguyễn Q T trình bày:* Ông và bà N tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân được gần 1 năm. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với bà N nên ông yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà N có một con chung là Nguyễn M Q, sinh 12/3/2018. Vì con chung còn nhỏ, ông đề nghị giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có

* *Bị đơn, bà Nguyễn Thị M N trình bày:* Bà và ông T tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà đã cố gắng nhiều lần để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Bà và

ông T đang sống ly thân. Do đến thời điểm này ông T vẫn không thay đổi yêu cầu xin ly hôn bà, nên bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Nguyễn M Q, sinh 12/3/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

- Nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Q T và bà Nguyễn Thị M N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông T xin ly hôn bà N với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể cứu vãn, vợ chồng đã sống ly thân được gần 1 năm, bản thân ông không còn tình cảm gì với bà N. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà N đồng ý.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, đã giải thích, thuyết phục và tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên đương sự hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, đến thời điểm này, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn. Bị đơn cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông T xin ly hôn bà N là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung:

Ông T, bà N đều xác định ông bà có một con chung là Nguyễn M Q, sinh 12/3/2018. Cháu Q vẫn còn nhỏ, hiện đang ở với mẹ. Xét bà N là người đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T trình bày, với công việc và mức thu nhập hiện nay, ông chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con chung tối đa 4.000.000 đồng/tháng. Bà N yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Xét ông T là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nên việc ông cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp

với điều kiện kinh tế và hoàn cảnh thực tế của các bên trong thời điểm hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Ông Nguyễn Q T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

**** Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Nguyễn Q T được ly hôn bà Nguyễn Thị M N.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn M Q, sinh 12/3/2018 cho bà Nguyễn Thị M N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Ông Nguyễn Q T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

3. Về án phí: Ông Nguyễn Q T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011093 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**** Quy định:*** Trường hợp người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* Nơi nhận:

- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND phường VT (Số ngày 26/10/2016)
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ